

Thứ năm, ngày 20 tháng 8 năm 2020

Vietnam Daily Review

Điều chỉnh theo TTCK Thế giới

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 21/8/2020		•	
Tuần 17/8-21/8/2020		•	
Tháng 7/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VNIndex có một phiên điều chỉnh khi phần nào bị ảnh hưởng bởi diễn biến giảm điểm chung của đa số thị trường tài chính trên thế giới, cũng như hoạt động đóng vị thế của khối tự doanh trong phiên đáo hạn của hợp đồng tương lai VN30F2008. Dòng tiền đầu tư có sự sụt giảm khi chỉ còn 6/19 nhóm ngành tăng điểm. Trong khi đó, khối ngoại đã mua ròng trên sàn HSX, chủ yếu đến từ giao dịch thỏa thuận của VHM, trong khi vẫn bán ròng khá mạnh trên sàn HNX. Thanh khoản thị trường tiếp tục có sự gia tăng so với phiên hôm trước, độ rộng thị trường ở trạng thái tiêu cực cho thấy các nhà giao dịch phần nào nghi ngờ về khả năng tiếp tục tăng điểm của chỉ số. Với tâm lý thị trường bấp bênh, dự kiến trong phiên cuối tuần chỉ số VNIndex có thể tiếp tục dao động trong khu vực 845-855 điểm.

Hợp đồng tương lai: Tất cả các HĐTL đều giảm điểm đồng thuận với xu hướng chung của chỉ số trong phiên đáo hạn của HĐTL tháng 8. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp canh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 781 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 20/8/2020, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng tích cực.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: **Theme_Hàng tiêu dùng_0.4%**

Phân tích kỹ thuật: SHB_Tín hiệu tích cực (Trang 3)

Báo cáo nhanh: SBV quyết định giãn lộ trình siết vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn thêm 1 năm (Trang 7)

Điểm nhấn

- VN-Index **-3.0** điểm, đóng cửa **848.21**. HNX-Index **+1.99** điểm, đóng cửa **121.18**.
- Kéo chỉ số tăng: **GVR (+0.23)**; **KDC (+0.1)**; **LGC (+0.09)**; **TPB (+0.06)**; **SJS (+0.05)**.
- Kéo chỉ số giảm: **GAS (-0.6)**; **VIC (-0.48)**; **BID (-0.4)**; **MSN (-0.23)**; **PLX (-0.22)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **4,145 tỷ đồng**, **+16.11%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 9.55 điểm. Thị trường có 136 mã tăng, 63 mã tham chiếu và 261 mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **1561.84 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm **VHM (1840.3 tỷ)**, **PHR (57.8 tỷ)** và **KSB (14.2 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-48.09 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trường phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX	848.21
Giá trị: 4145.11 tỷ	-3 (-0.35%)
Khối ngoại (ròng): 1561.84 tỷ	

HNX-INDEX	121.18
Giá trị: 467.76 tỷ	1.99 (1.67%)
Khối ngoại (ròng): -48.09 tỷ	

UPCOM-INDEX	57.24
Giá trị: 0.28 tỷ	0.07 (0.12%)
Khối ngoại (ròng): -1.3 tỷ	

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	42.5	-1.02%
Giá vàng	1,934	0.24%
Tỷ giá USD/VND	23,176	0.05%
Tỷ giá EUR/VND	27,445	-0.97%
Tỷ giá JPY/VND	21,863	0.15%
LS liên NH 1 tháng	0.4%	26.47%
LS TPCP 5 năm	1.8%	0.11%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VHM	1840.3	VGC	133.6
PHR	57.8	VNM	40.2
KSB	14.2	VIC	29.1
HSG	7.7	MSN	26.9
DPM	6.1	DXG	18.0
Nguồn: BSC Research			

Mục lục	
Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu hàng hóa	Trang 3
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 4
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Báo cáo nhanh	Trang 7
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 8
Thống kê thị trường	Trang 9
Khuyến nghị dài hạn	Trang 10
Báo cáo mới nhất	Trang 11
iBroker	Trang 12
Khuyến cáo sử dụng	Trang 13

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Hàng tiêu dùng_0.4%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	14/25 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Hàng tiêu dùng	0.4%	0.9%	9.0%	4.0%	4.0%	-4.6%	31.9%
Lãi suất giảm	0.3%	2.4%	13.1%	9.0%	9.0%	5.6%	35.0%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	0.2%	0.0%	9.1%	4.1%	4.1%	-16.5%	35.4%
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.2%	1.9%	8.8%	3.5%	3.5%	-2.8%	32.9%
Stay-at-home	0.1%	3.4%	12.0%	7.6%	7.6%	12.6%	37.1%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.1%	0.5%	9.1%	5.1%	5.1%	-11.1%	32.5%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.0%	0.6%	7.0%	3.6%	3.6%	5.9%	23.0%
Bất động sản & Khu công nghiệp	0.0%	-0.5%	10.3%	9.1%	9.1%	-3.5%	27.2%
VN Diamond	-0.1%	0.1%	7.1%	2.2%	2.2%	-15.9%	33.6%
Bất động sản Khu công nghiệp	-0.1%	4.1%	14.0%	16.0%	16.0%	16.9%	34.2%
Top 10 cổ phiếu VN30	-0.2%	0.0%	7.0%	5.7%	5.7%	-7.3%	30.9%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-0.3%	-0.4%	7.6%	5.1%	5.1%	-6.6%	29.9%
Vật liệu Xây dựng	-0.3%	2.3%	11.1%	8.0%	8.0%	5.5%	31.0%
FTSE Việt Nam	-0.3%	-0.8%	4.2%	2.4%	2.4%	-8.6%	27.6%
VN FinSelect	-0.4%	-0.1%	5.8%	1.1%	1.1%	-9.9%	32.4%
Cổ phiếu ngành Dược	-0.4%	3.1%	5.1%	12.3%	12.3%	2.9%	23.7%
Xây dựng	-0.4%	1.2%	13.0%	10.3%	10.3%	2.0%	33.1%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-0.4%	-0.2%	6.1%	1.5%	1.5%	-9.7%	34.3%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-0.5%	-0.8%	4.8%	2.7%	2.7%	-11.1%	27.5%
Chiến tranh thương mại	-0.5%	1.8%	12.5%	8.3%	8.3%	-6.3%	33.3%
Đầu tư công	-0.6%	0.7%	13.1%	9.9%	9.9%	3.6%	32.1%
Corona Avengers	-0.9%	-0.6%	10.1%	3.8%	3.8%	0.0%	39.4%
Nước & Năng lượng	-1.0%	0.2%	7.7%	8.5%	8.5%	-2.4%	28.5%
Dầu khí	-1.3%	-0.1%	11.0%	0.6%	0.6%	-23.1%	42.5%
Ngân Hàng	-3.3%	-2.7%	6.4%	3.4%	3.4%	-5.5%	36.8%
Mục tiêu	6/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
L22	0.6%	0.5%	10.1%	5.0%	5.0%	-10.9%	30.7%
L11	0.2%	0.6%	8.4%	4.6%	4.6%	-7.2%	27.1%
S11	-0.1%	0.6%	8.8%	6.7%	6.7%	6.0%	28.6%
M12	-0.1%	0.6%	8.8%	4.1%	4.1%	-7.3%	28.1%
S21	-0.2%	1.5%	11.4%	7.3%	7.3%	-7.3%	30.6%
S32	-0.2%	-0.8%	8.3%	2.3%	2.3%	-17.1%	36.9%
M22	-0.4%	0.3%	8.2%	4.9%	4.9%	-0.6%	28.5%
M31	-0.4%	-0.4%	9.1%	5.2%	5.2%	-8.7%	33.7%
L32	-0.5%	-0.5%	7.8%	3.2%	3.2%	-16.7%	33.8%
Khẩu vị Rủi ro	3/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
MID1	0.3%	1.1%	9.3%	8.1%	8.1%	4.3%	28.3%
LOW1	-0.1%	0.2%	8.0%	2.4%	2.4%	-8.2%	28.4%
HIGH3	-0.2%	0.2%	7.6%	3.0%	3.0%	-10.6%	31.3%
INDEX							
VNINDEX	-0.4%	-0.3%	6.2%	2.8%	2.8%	-11.7%	27.0%
VN30INDEX	-0.4%	-0.7%	6.1%	2.0%	2.0%	-10.6%	28.3%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	25	14	11	19	6	20	5
Mục tiêu	9	6	3	6	3	9	0
Rủi ro	3	3	0	3	0	3	0

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
Vũ Quốc Khánh

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>
khanhvq@bsc.com.vn

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 20/8

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	42.68	-0.49%	0.00%	4.30%	-18.94%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	45.15	-0.68%	-0.60%	3.90%	-21.19%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	126.20	-1.64%	1.50%	4.00%	-21.40%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1990.80	-0.58%	3.90%	9.50%	30.18%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	27.66	-0.04%	8.40%	38.90%	49.76%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	911.50	-0.25%	3.20%	1.30%	-1.78%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	520.00	0.48%	4.00%	-1.70%	3.02%		AFX
Sữa	USD /cwt	19.84	-0.05%	2.30%	-11.80%	16.43%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	167.43	-0.30%	4.60%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	12.89	-1.30%	1.20%	9.90%	-0.92%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	121.05	3.07%	6.60%	15.50%	11.82%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	6567.50	1.88%	2.80%	1.90%	15.00%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	552.47	-0.36%	1.00%	3.70%		HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1773.50	1.00%	-0.70%	6.70%	-0.48%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	123.45	0.59%	4.50%	16.60%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	52.15	-0.10%	-1.20%	-9.80%	-29.86%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent tăng 9 US cent lên 45.46 USD/thùng, và dầu WTI duy trì tại 42.89 USD/thùng.
- hội đồng kỹ thuật cho biết mức tuân thủ theo thỏa thuận cắt giảm sản lượng của OPEC+ trong tháng 7 từ 95 tới 97%. OPEC+ sẽ tổ chức một cuộc họp hội đồng bộ trưởng trong ngày 19/8.

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA tăng 0.9% lên 2,004.21 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 12/2020 trên sàn New York tăng 0.7% lên 2,013.1 USD.
- Chỉ số USD xuống thấp nhất kể từ tháng 5/2018 và lợi suất trái phiếu kho bạc 10 năm giảm. Cũng hỗ trợ vàng, Bộ trưởng Tài chính Mỹ Steven Mnuchin cho biết Tổng thống Mỹ muốn tiếp tục cứu trợ kinh tế nhiều hơn trong bối cảnh đại dịch

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 1/2021 trên sàn Đại Liên tăng 3.5% lên 863 CNY (124.51 USD)/tấn, tăng phiên thứ 4 liên tiếp. Hợp đồng giao tháng 9 tại Singapore tăng 3% lên 120.42 USD/tấn, tăng phiên thứ 3 liên tiếp. Việc gián đoạn nguồn cung bởi đại dịch Covid-19 cũng sẽ hỗ trợ giá thành phần sản xuất thép này, trước khi giá yếu đi vào năm tới.
- Trên sàn Thượng Hải giá thép cây kỳ hạn tháng 10/2020 tăng 0.7%, trong khi thép cuộn cán nóng tăng 1%.

Giá cao su

- Hợp đồng cao su kỳ hạn tháng 1/2021 trên sàn giao dịch Osaka (OSE) tăng 0.4 JPY hay 0.2% lên 176.9 JPY/kg. Trên sàn Thượng Hải, cao su kỳ hạn tháng 1/2021 tăng 20 CNY lên 12,440 CNY/tấn.
- Giá cao su Nhật Bản tăng do các nhà sản xuất tại nền kinh tế lớn thứ 3 thế giới này cho biết họ tự tin nhất trong tháng 8 về tình trạng kinh doanh 4 tháng

Giá nông sản

- Đường thô kỳ hạn tháng 10 trên sàn ICE giảm 0.17 US cent hay 1.3% xuống 12.89 US cent/lb, Đường trắng kỳ hạn tháng 10 trên sàn London giảm 6.3 USD hay 1.7% xuống 373.4 USD/tấn.
- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 12/2020 trên sàn ICE tăng 3.6 US cent hay 3.1% lên 1.2105 USD/lb. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 11/2020 trên sàn London tăng 18 USD hay 1.3% lên 1,396 USD/tấn.

	20/8	% 20/8	19/8	% 19/8	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	848.21	-0.35%	851.21	0.56%	-0.80%	-1.56%
S&P 500			3374.85	-0.44%	-0.16%	3.78%
HĐTL S&P500	3352.75	-0.59%	3372.75	-0.42%	-0.45%	3.12%
Shang- hai	3363.90	-1.30%	3408.13	-1.24%	1.30%	1.29%
Euro Stoxx	3263.45	-1.63%	3317.62	0.85%	-2.38%	-4.17%

Phân tích kỹ thuật

SHB_Tín hiệu tích cực

- Điểm nhấn kỹ thuật:**
- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
 - Chỉ báo xu hướng MACD: Nằm trên đường tín hiệu.
 - Chỉ báo RSI: Ở trên giá trị 50 nhưng chưa đi vào vùng quá mua.
 - Đường EMA: Xuất hiện Golden Cross.

Nhận định: SHB vừa trải qua 1 phiên điều chỉnh trong hôm nay sau khi đã có 1 phiên tăng mạnh vào hôm qua. Thanh khoản cổ phiếu trong những phiên gần đây vẫn đang duy trì giá trị ổn định. Các chỉ báo kỹ thuật hiện đều đang ở trong trạng thái tích cực. Hôm nay, các đường EMA vừa xuất hiện Golden Cross, báo hiệu SHB có thể tiếp tục tăng giá trong ngắn hạn. Bên cạnh đó, chỉ báo động lượng RSI vẫn còn cách khá xa vùng quá mua. Theo nhận định hiện tại, cổ phiếu SHB có thể tiếp tục điều chỉnh trong 1 đến 2 phiên tới trước khi tiếp tục tăng đến những mốc cao hơn. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của SHB nằm ở khoảng giá 13.4. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại xung quanh giá 15.4, cắt lỗ nếu ngưỡng 12.6 bị xuyên thủng.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

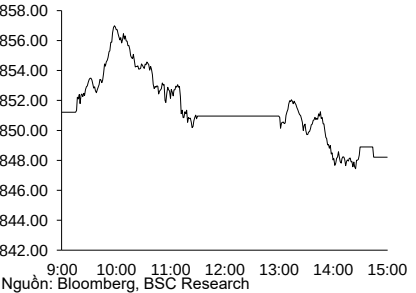
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Truyền thông	-1.70%
Dầu khí	-1.46%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-1.31%
Ô tô và phụ tùng	-0.89%
Dịch vụ tài chính	-0.72%
Tài nguyên Cơ bản	-0.68%
Du lịch và Giải trí	-0.64%
Xây dựng và Vật liệu	-0.48%
Thực phẩm và đồ uống	-0.39%
Bất động sản	-0.21%
Y tế	-0.14%
Ngân hàng	-0.05%
Bán lẻ	-0.04%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.17%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.30%
Bảo hiểm	0.50%
Công nghệ Thông tin	0.63%
Viễn thông	0.65%
Hóa chất	0.92%

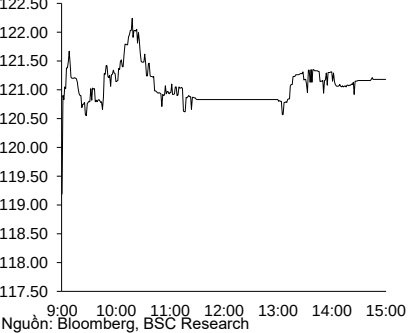
Hình 1

HSX-Index Intraday



Hình 2

HNX-Index Intraday



Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

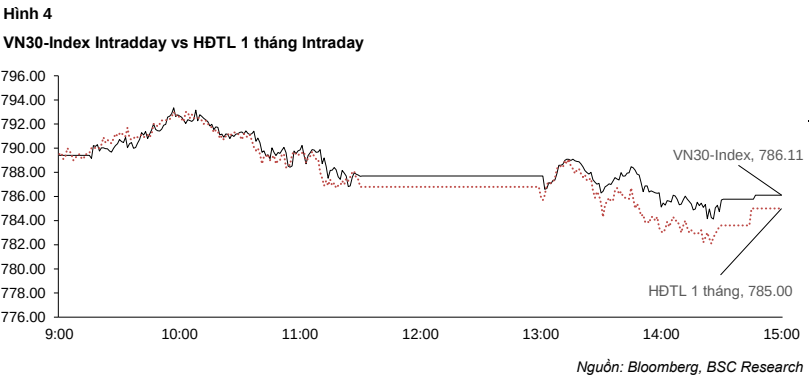
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
8/19/2020	TCB	20.2	21.5	19.2	20	1	-0.99%	Có thể tiếp tục mua
8/18/2020	MBB	17	18	16.2	17.05	2	0.29%	Có thể tiếp tục mua
8/17/2020	VTP	138.6	166.6	131.6	140.6	3	1.44%	Có thể tiếp tục mua
8/13/2020	PLX	46.6	48.3	44.6	46.35	7	-0.54%	Có thể tiếp tục mua
8/12/2020	GAS	71.2	76	69.5	71	8	-0.28%	Có thể tiếp tục mua
8/11/2020	ACB	19.55	23.09	18.86	20.8	9	6.39%	Có thể tiếp tục mua
8/10/2020	VEA	44.4	46.5	41.5	42.6	10	-4.05%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
8/7/2020	C32	22.97	24.72	21.78	23.15	13	0.78%	Có thể tiếp tục mua
8/6/2020	LCG	8.28	11.2	7.4	8.98	14	8.45%	Có thể tiếp tục mua
8/4/2020	HVN	23.05	27	21.5	24.1	16	4.56%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/3/2020	CTD	70.1	85	66	78.2	17	11.55%	Có thể tiếp tục mua
7/30/2020	VSC	30.9	35	27.5	32	21	3.56%	Có thể giữ nguyên vị thế
7/29/2020	NRC	11.8	15.34	10.08	14.2	22	20.34%	Có thể giữ nguyên vị thế
7/1/2020	HAX	12.8	15	11	12.75	50	-0.39%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/26/2020	DGC	33.98	36.03	28.32	33.55	55	-1.27%	Có thể tiếp tục mua
6/24/2020	TRC	30.69	38.61	27.23	32.95	57	7.36%	Có thể tiếp tục mua
6/18/2020	HPG	21.93	26.18	19.64	24.1	63	9.90%	Có thể tiếp tục mua
6/16/2020	VHM	74.9	90	70	80	65	6.81%	Có thể tiếp tục mua
6/5/2020	VHC	37.2	42	30.5	37.3	76	0.27%	Có thể tiếp tục mua
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
8/14/2020	DVN	12.3	13.9	11.5	TP	4	13.01%
8/5/2020	C4G	8.2	8.6	7.3	TP	1	4.88%
7/31/2020	SNZ	25	27.5	22.5	TP	6	10.00%
7/28/2020	SZC	23.1	25.5	21	TP	2	10.39%
7/27/2020	GIL	18.9	20.5	17.5	TP	4	8.47%
7/24/2020	CII	18	22	17	SL	3	-5.56%
7/23/2020	IDJ	13.3	17	12	SL	4	-9.77%
7/22/2020	HAH	10.95	13	10	SL	5	-8.68%
7/21/2020	TDT	10.2	12	9	SL	10	-11.76%
7/20/2020	HT1	14	16	13.5	SL	4	-3.57%
7/17/2020	BFC	12.5	14	11.5	SL	7	-8.00%
7/16/2020	MPC	27.8	33	26	SL	8	-6.47%
7/15/2020	FRT	25.4	29	21.5	SL	12	-15.35%
7/14/2020	DPM	14.9	16	14	SL	10	-6.04%
7/13/2020	GVR	11.9	14	11	SL	14	-7.56%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất					TP - Đã chốt lời	SL - Đã cắt lỗ	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	13	6	6.29%	-1.25%	3.91%	27
Cổ phiếu đã chốt	13	22	12.01%	-8.34%	-0.78%	13

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2008	785.00	-1.01%	-1.11	7.6%	147,705	8/20/2020	0
VN30F2009	781.40	-0.98%	-4.71	327.9%	41,337	9/17/2020	28
VN30F2012	774.80	-1.05%	-11.31	-50.0%	67	12/17/2020	119
VN30F2103	773.90	-0.67%	-12.21	221.7%	74	3/18/2021	210

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm 3.30 điểm xuống mức 786.11 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như TCB, MSN, VIC, STB và HPG tác động mạnh đến trạng thái giảm của VN30. Chỉ số VN30 tăng nhẹ trong nửa đầu phiên buổi sáng trước khi đảo chiều giảm mạnh cho đến cuối phiên buổi chiều. VN30 có thể tiếp tục biến động trong khoảng 780-790 điểm trong những phiên tới.

- Tất cả các HĐTL đều giảm điểm đồng thuận với xu hướng chung của chỉ số trong phiên đáo hạn của HĐTL tháng 8. Xét về khối lượng giao dịch, tất cả các hợp đồng tăng, ngoại trừ VN30F2012. Xét về vị thế mở, tất cả các hợp đồng tăng, ngoại trừ VN30F2008. Điều này báo hiệu những diễn biến khó lường của chỉ số trong thời gian tới. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 781 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CDPM2002	12/16/2020	118	1:1	69,830	42.03%	1,700	2,500	11.11%	1,111	2.25	16,952	15,252	14,400
CVHM2003	10/29/2020	70	10:1	280,700	38.68%	1,000	1,360	0.00%	1,204	1.13	80,000	70,000	80,000
CVNM2003	9/4/2020	15	10:1	88,140	33.65%	1,450	2,310	0.00%	2,139	1.08	107,280	92,780	115,200
CSTB2004	11/30/2020	102	1:1	196,440	43.35%	1,400	950	0.00%	882	1.08	12,400	11,000	10,650
CVHM2001	12/16/2020	118	5:1	146,860	38.68%	3,100	1,180	-0.84%	549	2.15	110,067	94,567	80,000
CVHM2002	11/30/2020	102	1:1	184,670	38.68%	11,500	9,700	-1.32%	8,558	1.13	88,500	77,000	80,000
CHPG2013	12/1/2020	103	1:1	29,480	38.60%	6,900	6,720	-2.33%	2,168	3.10	30,900	24,000	24,100
CHPG2015	3/1/2021	193	1:1	53,260	38.60%	6,700	6,180	-2.37%	2,001	3.09	33,200	26,500	24,100
CHPG2014	4/19/2021	242	1:1	24,250	38.60%	7,200	6,730	-2.75%	2,381	2.83	33,700	26,500	24,100
CHPG2011	10/20/2020	61	2:1	275,910	38.60%	2,350	2,730	-3.87%	568	4.81	29,900	25,200	24,100
CHPG2008	11/30/2020	102	1:1	201,520	38.60%	4,100	3,670	-3.93%	789	4.65	32,100	28,000	24,100
CVPB2007	10/29/2020	70	2:1	388,900	46.65%	1,700	730	-3.95%	671	1.09	25,900	22,500	21,350
CREE2004	10/23/2020	64	3:1	104,380	28.79%	1,570	2,160	-4.00%	2,048	1.05	34,210	29,500	35,300
CVNM2004	11/30/2020	102	1:1	57,180	33.65%	17,500	10,490	-4.55%	7,601	1.38	133,973	116,473	115,200
CMWG2009	10/23/2020	64	8:1	413,230	41.02%	1,600	810	-5.81%	721	1.12	94,800	82,000	81,700
CHDB2006	10/8/2020	49	2:1	102,950	41.06%	2,180	1,780	-5.82%	1,480	1.20	29,060	24,700	26,850
CVRE2007	4/5/2021	228	5:1	348,510	45.31%	1,520	580	-6.45%	365	1.59	40,933	33,333	26,350
CMWG2007	11/30/2020	102	1:1	30,740	41.02%	12,900	5,460	-7.30%	5,344	1.02	99,900	87,000	81,700
CHPG2002	12/16/2020	118	2:1	240,090	38.60%	1,700	1,760	-7.37%	278	6.32	33,399	29,999	24,100
CTCB2006	10/29/2020	70	2:1	120,710	38.64%	1,200	1,420	-8.39%	1,319	1.08	20,400	18,000	20,000
Tổng				3,237,040	39.17%**								
Chú thích:			Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất						CR: Tỷ lệ chuyển đổi				
			Lãi suất phi rủi ro là 4.75%						Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn				
			**Trung bình độ lệch chuẩn						*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes				

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 20/8/2020, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng tích cực.
- CDPM2002 tăng mạnh 11.11%. Trái lại, CMWG2005 và CMSN2007 giảm mạnh lần lượt là -11.96% và -9.09%. Giá trị giao dịch tăng 15.34%. CVHM2002 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 18.73% thị trường.
- CVPB2006, CVRE2005, CMWG2007, CREE2004, và CREE2003 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2005, CHPG2006, và CHPG2009 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CHPG2005, CVHM2002, và CVNM2003 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi.

SBV QUYẾT ĐỊNH GIÃN LỘ TRÌNH SIẾT VỐN NGẮN HẠN CHO VAY TRUNG DÀI HẠN

Sau Quyết định số 1349-1351, Ngân hàng Nhà nước ban hành Thông tư số 08/2020, sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2019 về quy định giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động ngân hàng. NHNN theo đó giãn lộ trình siết vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn thêm 1 năm, tỷ lệ tối đa sử dụng vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn (MTLT) sẽ được giữ nguyên ở mức 40% trong năm 2020 đến cuối năm 2021. Như vậy, sau khi dịch bệnh Covid-19 bùng phát trở lại cuối tháng trước, NHNN liên tiếp có các hoạt động điều hành chủ động, đẩy mạnh tín dụng tới các khu vực kinh tế, như đề cập tại văn bản 5596. Điều này phù hợp với bối cảnh vĩ mô hiện nay khi tính tới cuối tháng trước, tăng trưởng tín dụng chỉ tăng 3.45% so cùng thời điểm cuối 2019 (cùng kỳ tăng 7.13%).

Thông tư 08 được kỳ vọng sẽ tháo gỡ phần nào áp lực đối với việc sử dụng vốn của các TCTD, là cơ sở để đẩy mạnh tín dụng trong giai đoạn tiếp theo. Việc đẩy mạnh tín dụng cần thiết trong bối cảnh tốc độ hồi phục của nền kinh tế đang có dấu hiệu chậm lại (khu vực sản xuất cùng khu vực tiêu dùng tăng nhẹ lần lượt 1.1% YoY và 4.3% YoY trong tháng 7), đồng thời dịch bệnh bùng phát trở lại tiếp tục tác động tiêu cực tới triển vọng kinh doanh sản xuất của khối doanh nghiệp. Đây có thể là bước chạy đà cho việc NHNN cắt giảm lãi suất thêm một lần từ nay tới cuối năm khi lạm phát vừa phải (3.39% YoY trong tháng 7 và 4.07% trung bình 7 tháng) tiếp tục tạo điều kiện cho việc điều hành theo hướng kích thích tăng trưởng.

Đối với ngành ngân hàng nói riêng, hiện nay tỷ lệ này của toàn ngành đang ở mức ~26% trong Q2/2020, thấp hơn nhiều so với mức tỷ lệ định hướng của SBV (30%), do đó sẽ không có tác động nhiều đến toàn hệ thống mà chỉ tác động đến một vài ngân hàng có tỷ lệ này ở mức cao và các ngân hàng nhỏ yếu kém.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	81.7	-0.1%	1.2	1,608	3.6	8,348	9.8	2.6	49.0%	30.3%
PNJ	Bán lẻ	55.6	0.0%	1.3	544	1.6	4,629	12.0	2.7	49.0%	23.6%
BVH	Bảo hiểm	45.3	0.0%	1.4	1,462	0.7	1,640	27.6	1.7	28.2%	6.8%
PVI	Bảo hiểm	33.4	3.7%	0.4	325	0.1	2,651	12.6	1.1	54.4%	8.8%
VIC	Bất động sản	86.0	-0.6%	0.8	12,647	3.7	2,255	38.1	3.6	13.8%	9.3%
VRE	Bất động sản	26.4	0.0%	1.1	2,603	2.5	1,057	24.9	2.2	30.7%	8.9%
VHM	Bất động sản	80.0	0.0%	1.3	11,442	8.5	6,784	11.8	3.8	20.1%	37.0%
DXG	Bất động sản	9.3	2.7%	1.4	209	2.5	658	14.1	0.8	36.9%	2.9%
SSI	Chứng khoán	14.4	-1.4%	1.3	375	1.7	1,718	8.4	0.9	48.8%	10.7%
VCI	Chứng khoán	22.2	-0.4%	1.0	158	0.6	4,110	5.4	1.0	28.9%	18.7%
HCM	Chứng khoán	17.6	-1.1%	1.7	233	1.2	1,608	10.9	1.2	50.8%	11.5%
FPT	Công nghệ	47.1	0.4%	0.8	1,604	3.7	4,280	11.0	2.5	49.0%	23.6%
FOX	Công nghệ	47.5	0.0%	0.4	565	0.0	4,812	9.9	2.5	0.0%	28.3%
GAS	Dầu khí	71.0	-1.5%	1.4	5,908	1.4	5,169	13.7	2.6	3.3%	20.5%
PLX	Dầu khí	46.4	-1.4%	1.5	2,430	0.9	441	105.1	2.9	14.7%	3.2%
PVS	Dầu khí	12.0	-1.6%	1.5	249	1.8	1,301	9.2	0.5	11.1%	5.0%
BSR	Dầu khí	6.4	0.0%	0.8	863	0.4	898	7.1	0.6	41.1%	8.5%
DHG	Dược	97.0	0.7%	0.5	551	0.1	5,044	19.2	4.0	54.6%	21.2%
DPM	Hóa chất	14.4	0.3%	0.4	245	1.5	1,586	9.1	0.7	11.0%	8.9%
DCM	Hóa chất	8.6	-0.9%	0.5	197	0.5	709	12.1	0.7	1.8%	5.8%
VCB	Ngân hàng	83.0	0.0%	1.1	13,384	4.0	4,915	16.9	3.4	23.7%	22.0%
BID	Ngân hàng	38.3	-0.9%	1.3	6,689	1.4	2,153	17.8	2.0	17.7%	12.5%
CTG	Ngân hàng	23.3	0.0%	1.2	3,772	4.3	2,995	7.8	1.1	30.0%	14.6%
VPB	Ngân hàng	21.4	-0.2%	1.2	2,263	3.3	4,126	5.2	1.1	23.4%	23.5%
MBB	Ngân hàng	17.1	0.0%	1.0	1,788	3.1	3,497	4.9	0.9	23.0%	20.7%
ACB	Ngân hàng	20.8	5.6%	1.0	1,955	17.5	2,884	7.2	1.5	30.0%	22.6%
BMP	Nhựa	55.3	2.2%	0.9	197	0.5	5,760	9.6	1.8	82.7%	18.9%
NTP	Nhựa	29.7	-0.3%	0.4	152	0.0	3,348	8.9	1.4	18.8%	16.0%
MSR	Tài nguyên	15.0	0.0%	0.3	645	0.0	356	42.1	1.2	1.9%	2.9%
HPG	Thép	24.1	-0.6%	1.2	3,472	10.2	2,632	9.2	1.5	35.6%	18.1%
HSG	Thép	11.5	-0.4%	1.6	222	5.1	1,767	6.5	0.8	9.9%	13.6%
VNM	Tiêu dùng	115.2	-0.1%	0.8	8,722	6.3	5,538	20.8	6.7	58.7%	33.0%
SAB	Tiêu dùng	179.6	-0.6%	0.8	5,008	0.9	6,328	28.4	6.2	63.2%	23.7%
MSN	Tiêu dùng	52.0	-1.3%	1.0	2,643	3.2	3,255	16.0	2.6	38.7%	13.9%
SBT	Tiêu dùng	13.9	-1.4%	0.8	355	1.5	561	24.8	1.1	5.6%	5.1%
ACV	Vận tải	55.0	0.0%	0.8	5,206	0.4	3,450	15.9	3.3	3.3%	22.3%
VJC	Vận tải	99.6	-0.4%	1.1	2,268	2.1	3,465	28.7	3.5	17.8%	12.4%
HVN	Vận tải	24.1	-0.8%	1.7	1,486	0.5	(3,853)	N/A	3.0	9.2%	-38.4%
GMD	Vận tải	22.7	-1.3%	0.9	292	0.6	1,377	16.4	1.1	49.0%	6.7%
PVT	Vận tải	10.9	-1.4%	1.2	133	0.4	2,007	5.4	0.7	21.9%	13.8%
VCS	Vật liệu xây dựng	61.0	0.0%	1.0	412	0.2	8,219	7.4	2.9	2.9%	40.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	22.0	-0.9%	0.8	429	0.4	1,362	16.2	1.5	10.0%	9.3%
HT1	Vật liệu xây dựng	14.2	-1.0%	1.0	235	0.4	1,937	7.3	1.0	6.1%	13.5%
CTD	Xây dựng	78.2	-1.6%	1.1	259	1.4	8,467	9.2	0.7	46.8%	7.9%
CII	Xây dựng	17.8	-0.8%	0.3	185	0.5	1,615	11.0	0.8	36.0%	8.0%
REE	Điện	35.3	0.0%	-1.4	476	0.7	4,780	7.4	1.0	49.0%	14.8%
PC1	Điện	18.6	-0.5%	-0.4	128	0.2	2,178	8.5	0.8	16.6%	9.9%
POW	Điện	10.0	-2.0%	0.6	1,018	1.4	925	10.8	0.8	11.3%	8.0%
NT2	Điện	22.0	0.2%	0.6	275	0.2	2,685	8.2	1.4	18.5%	18.0%
KBC	Khu công nghiệp	13.6	-0.4%	0.9	277	1.2	1,242	10.9	0.7	20.8%	6.2%
BCM	Khu công nghiệp	30.1	#####	0.9	1,355	0.1	2,332	12.9	2.1	2.1%	17.7%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GVR	11.70	1.74	0.23	2.23MLN
KDC	35.10	4.78	0.12	1.83MLN
LGC	47.50	3.49	0.09	21000.00
TPB	21.40	1.18	0.06	150390
CAV	65.50	4.47	0.05	90

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
GAS	0.00	-0.60	444340	1.11MLN
VIC	0.00	-0.48	990220	607060
BID	0.00	-0.40	859310.00	373600
PLX	0.00	-0.24	429540.00	192700
MSN	0.00	-0.23	1.42MLN	611640

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TCO	8.56	7.00	0.00	1170.00
ASP	5.81	7.00	0.00	128410
MCG	1.99	6.99	0.00	28300
TIX	29.85	6.99	0.02	20
HRC	46.80	6.97	0.03	100

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PNC	9.30	-7.00	0.00	1130
DTL	10.70	-6.96	-0.01	130
DAT	64.30	-6.95	-0.06	40.00
HOT	42.35	-6.92	-0.01	630
VPS	16.15	-6.92	-0.01	4360

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

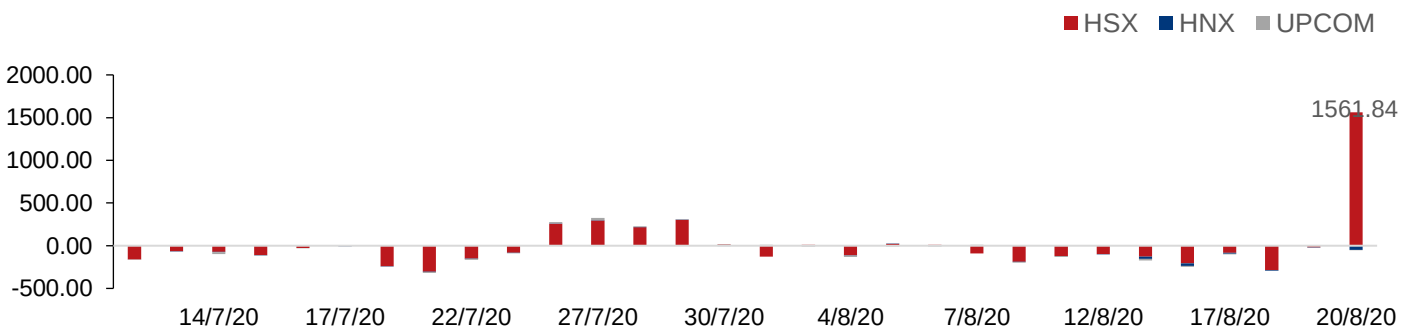
Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	20.80	5.62	1.80	19.47MLN
DL1	30.00	3.45	0.05	200.00
PVI	33.40	3.73	0.04	63500
PGS	13.50	8.00	0.03	2.10MLN
SLS	67.30	8.90	0.03	23400

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	13.40	-1.47	-0.29	1.57MLN
SHS	10.90	-2.68	-0.06	1.43MLN
PVS	12.00	-1.64	-0.05	3.42MLN
IDC	19.50	-2.01	-0.03	10000
KLF	1.60	-5.88	-0.02	742000

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
INC	11.40	9.6	0.00	10000
TTZ	4.60	9.5	0.00	533000
SAF	56.40	9.5	0.01	2100
SGC	62.90	9.4	0.01	300
LIG	3.50	9.4	0.01	924200.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BII	0.70	-12.50	0.00	786600
FID	0.90	-10.00	0.00	15200
VNT	55.20	-9.95	-0.02	7800
NHC	28.10	-9.94	-0.01	100
GLT	24.50	-9.93	-0.01	200

Hình 3
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	NLG	Bất động sản	Mua	24/6/20	25.0	34.6	26.9	3,314	8.1	1.3	Click
2	VPB	Ngân hàng	Mua	11/6/20	22.5	29.0	21.4	4,126	5.2	1.1	Click
3	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/20	54.0	71.3	46.5	9,642	4.8	1.3	Click
4	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	52.0	3,255	16.0	2.6	Click
5	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/20	38.9	43.2	33.6	4,666	7.2	1.4	Click
6	HSG	VLXD	Mua	2/6/20	10.1	12.4	11.5	1,767	6.5	0.8	Click
7	VEA	Ô tô	Theo dõi	27/5/20	40.0	44.2	42.6	5,479	7.8	2.1	Click
8	SZC	Bất động sản	Mua	20/5/18	18.7	22.2	27.1	1,902	14.3	2.3	Click
9	HPG	VLXD	Mua	20/5/19	26.2	36.7	24.1	2,632	9.2	1.5	Click
10	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/5/20	21.3	25.0	20.0	3,103	6.4	1.0	Click
11	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/20	62.0	64.5	55.6	4,629	12.0	2.7	Click
12	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/20	125.0	145.9	140.6	5,718	24.6	8.7	Click
13	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/20	10.6	15.4	9.3	658	14.1	0.8	Click
14	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/20	16.4	18.8	19.1	1,721	11.1	1.1	Click
15	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	22.3	7,132	3.1	1.2	Click
16	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/20	20.6	N/a	22.2	5,227	4.2	1.0	Click
17	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/20	26.9	32.1	46.2	4,739	9.7	1.9	Click
18	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/20	67.4	90.0	83.0	4,915	16.9	3.4	Click
19	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/20	20.3	27.0	20.8	2,884	7.2	1.5	Click
20	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/20	29.5	33.8	37.3	5,465	6.8	1.3	Click
21	PHR	Cao su	Mua	20/4/20	43.7	51.8	57.6	5,872	9.8	2.6	Click
22	FPT	Viễn thông	Mua	14/4/20	46.4	60.7	47.1	4,280	11.0	2.5	Click
23	GMD	Vận tải	Mua	17/3/20	16.4	27.2	22.7	1,377	16.4	1.1	Click
24	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/20	12.4	17.1	13.6	1,242	10.9	0.7	Click
25	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/20	144.0	161.1	179.6	6,328	28.4	6.2	Click
26	KDH	Bất động sản	Mua	3/10/20	23.0	28.9	23.3	1,943	12.0	1.7	Click
27	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/20	106.2	127.3	115.2	5,538	20.8	6.7	Click
28	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/20	12.6	15.0	12.1	1,407	8.6	0.7	Click
29	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/20	106.2	171.1	81.7	8,348	9.8	2.6	Click
30	DRC	Cao su	Mua	20/2/20	23.3	28.8	16.5	2,088	7.9	1.2	Click
31	DHG	Dược	Theo dõi	31/1/20	93.0	89.5	97.0	5,044	19.2	4.0	Click
32	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/19	16.8	20.2	10.9	2,007	5.4	0.7	Click
33	PNJ	Bán lẻ	Mua	2/1/20	86.5	99.7	55.6	4,629	12.0	2.7	Click
34	QNS	Thực phẩm	Mua	1/2/20	28.7	35.0	32.6	4,313	7.6	1.5	Click
35	NTC	Cao su	Theo dõi	18/12/19	170.0	N/a	214.6	14,782	14.5	5.9	Click
36	PVD	Dầu khí	Theo dõi	13/12/19	14.7	18.9	10.5	0	18.9	0.3	Click
37	TDT	Dệt may	Theo dõi	9/12/19	11.4	N/a	8.7	1,671	5.2	0.8	Click
38	PC1	Điện	Mua mạnh	2/10/19	20.0	29.1	18.6	2,178	8.5	0.8	Click
39	VGI	Viễn thông	Theo dõi	12/11/19	31.4	N/a	26.7	-218	#N/A N/A	2.8	Click
40	TRC	Cao su	Theo dõi	26/9/19	37.0	N/a	33.0	2,986	11.0	0.6	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
2	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
3	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
4	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
5	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
6	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
7	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
8	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
9	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
10	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click
11	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		x	Click
12	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona)	x		Click
13	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	x		Click
14	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		x	Click
15	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	x		Click
16	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN		x	Click
17	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	x		Click
18	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	x		Click
19	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	x		Click
20	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019		x	Click
21	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III	x		Click
22	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	x		Click
23	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_18092019		x	Click
24	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	x		Click
25	07082019_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019		x	Click
26	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019	x		Click
27	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II	x		Click
28	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA_27062019		x	Click
29	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019	x		Click
30	Báo cáo Tổng kết KQKD Q1.2019_BSC_03062019		x	Click
31	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 04.2019	x		Click
32	24042018_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2019		x	Click
33	Vĩ Mô &Thị Trường Quý I.2019	x		Click
34	Báo cáo Tổng kết KQKD 2018_BSC Research_20032019		x	Click
35	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 02.2019	x		Click
36	Vĩ Mô&Thị Trường 2019M1	x		Click
37	BSC_Vietnam Sector Outlook_2019_VN		x	Click
38	20190110_BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN		x	Click
39	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	x		Click
40	Vĩ mô 2018M11_Giao dịch giằng co, toan tính cho 2019	x		Click

BSC



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.

- 

Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...
- 

Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.
- 

Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.
- 

Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express CTD 2020Q3	7/1/20	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 100835 ; Giá tại Publish 74400 Dự báo KQKD: BSC dự báo KQKD CTD 2020 với DT và LNST ước đạt lần lượt là 16,846 tỷ đồng (-29% YoY) và 611 tỷ đồng (-14% YoY), tương đương EPS fw là 7,432 đ/cp - PE fw = 10x; BVPS fw=118,629 đ/cp – PB fw= 0.63x.
Express C4G 2020Q2	6/29/20	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 7200 Dự báo KQKD: Kế hoạch 2020: Kế hoạch DT và LNST lần lượt 3,050 tỷ (+30% YoY) và 200 tỷ (+116% YoY), tổng sản lượng là 3,000 tỷ đồng. C4G chia cổ tức năm 2020 là 15%. Cập nhật KQKD: Lũy kế tới tháng 6, tổng dự án đang có của C4G đạt 5,200 tỷ đồng bao gồm cả ký mới trong 2020, trong đó một số dự án trọng điểm triển khai trong năm nay bao gồm: Đường Vành đai phía Tây 2 TP Đà Nẵng – Gói thầu 06OFID.EX, Cao tốc Bắc nam đoạn Cam Lộ - La Sơn – Gói thầu số 9, Dự báo KQKD: Kế hoạch năm 2020, KBC đặt ra 2 kịch bản (1) Phương án khả quan: tổng doanh thu 3,200 tỷ đồng (tương đương 2019), lợi nhuận sau thuế 816 tỷ đồng (-21% yoy) (2) Phương án tích cực: doanh thu dự kiến 3,600 tỷ đồng (+12% yoy), lợi nhuận sau thuế 1,000 tỷ đồng (-4% yoy). Nguồn vốn: tập đoàn dự kiến vay tín dụng hoặc phát hành trái phiếu khoảng 1,500 – 2,000 tỷ đồng để đầu tư các dự án cũ, mới và bổ sung nguồn vốn kinh doanh.
Express KBC 2020Q2	6/29/20	

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Khách hàng tổ chức
Vũ Thanh Phong

Chức vụ
Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email
phongvt@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
Bùi Huy Hiệp

Chức vụ
Phụ trách Trung tâm tư vấn i-Center

Địa chỉ email
hiepbh@bsc.com.vn